

## KHỞI TÍN LUẬN SỚ BÚT SẢO KÝ

### QUYỂN 19

**CHỈ QUÁN:** Điều này được nêu trong Phẩm Thập Tín Sơ Tâm.

- Trong chỉ:

**Sớ:** Trước do v.v..., ở đây nói rõ chưa tu hành về trước.

Nay do v.v... trở xuống: nói về tu chỉ. Vì thị giác giác biết cảnh giới các trần, chỉ do thức hiện, không ngoài tướng cảnh giới, trần cảnh đã lặng, phân biệt chẳng sinh, là tâm cảnh đều dừng. Liên phá trần tướng là cảnh dừng, không phân biệt là tâm dừng. Tâm cảnh đều quên, tâm vắng lặng thường hiện. Đây đồng nghĩa với vô niệm của Thiền Tông. Nghĩa là tất cả thiện ác không thể nghĩ lường. Nói tự dứt niệm tướng ở sau. Kinh Viên Giác nói: “Nên chánh niệm xa lìa các huyễn”.

Phương tiện: Là phương tiện tu chỉ. Nên bậc tiên đức nói: “Hương về trước vắng lặng, muôn cảnh đều mất. Sau khi phát tuệ tất cả đều như”.

Chỉ nay v.v..., ý muốn hiển bày riêng (Nghĩa chỉ và quán riêng, nên nêu cả hai tiếng Phạn và Đường. Chánh tu gọi là Xa-ma-tha. Trước tu phương tiện gọi là chỉ. Quán cũng y cứ theo đây. Bởi cả hai trở xuống là muốn nêu ra ý (giải thích) riêng. Đã nói rằng thuận theo, là biết rằng chưa phải “chánh chỉ”, bởi cái “chỉ tức quán” này mới là “chánh chỉ”, cái “quán tức chỉ” mới là “chánh quán”. Nay đã một bề là chỉ thôi, vậy tức là phương tiện chỉ, chưa gọi là chỉ hành được, cho nên mới gọi là thuận theo Xa-ma-tha.

Hỏi: Hành này là chỉ, vì sao nói quán?

Đáp: Chính lúc tu phải liên kết cả hai Chỉ và Quán. Nếu chỉ chẳng quán không gọi là chỉ chân chánh. Quán nếu không có chỉ thì không gọi là quán chân chánh. Cho nên chính tu chỉ cũng gọi là quán. Trong kinh Viên Giác gọi là Tĩnh Quán. Tuy cũng gọi là quán, nay nói chỉ đứng về mặt tướng nên quán đối với chân như. Chân không không tướng, hương về tức tâm dứt, tâm dứt thì thành nghĩa chỉ, cũng tức là quán không.

- Trong quán: Nói Nghĩa quán, đây là quán Chỉ, cũng tức là quán

Giả. Trong kinh Viên Giác gọi là quán Huyền. Số có ba:

Giải thích nghĩa: Nướng vào môn sinh diệt, trước nướng môn chân như, mất tướng, dứt tâm, chiếu mà thường tịch nên gọi là chỉ. Nay đứng về môn sinh diệt quán các pháp tướng, theo dòng, ngược dòng, nhiễm tịnh, nhân quả, phạm thánh, sắc tâm khác nhau chẳng đồng. Tịch mà thường chiếu nên gọi là quá. Đây tức hay khác phân biệt các pháp tướng. Trước tức đối với nghĩa đệ nhất bất động.

Dẫn chứng: Như Du-già trở xuống là dẫn chứng, có hai:

Chính dẫn văn kia: Bồ-tát địa, luận kia có mười bảy địa, đây là trong văn Bồ-tát địa. Không có chỗ phân biệt tức nhân trí Căn bản. Trí tuệ mầu nhiệm, thế tục tức là nhân của trí Hậu đắc.

Hội giải thích nghĩa kia: Nên biết v.v... trở xuống.

Giải thích thành nguyên do song vận: Nhưng hai môn v.v... trở xuống. Nghĩa là nướng vào nhất tâm khai hai môn. Nướng hai môn này tu chỉ quán, chỉ quán liên kết mới được khế tâm, khế tâm mới gọi là chân chỉ quán. Nên Tông Thiên Thai nói: “Pháp tánh vắng lặng gọi là chỉ, tịch mà thường chiếu gọi là Quán”. Đây là do tu chỉ quán khế tánh chỉ quán. Ý chỉ song tu đâu không rõ ư!

- Trong cùng:

Luận hai nghĩa, tức ở trước dừng tất cả cảnh giới, quán nhân duyên sinh diệt.

Chẳng tướng xả ly: Nhưng đây chỉ quán ban đầu là phương tiện. Khi hành giả tu tuy chưa hiện cả hai, bên tu tập này phải giúp nhau mà thực hành, không thể một mình liên kết tướng lìa bỏ.

Số: Có hai thể, hai thứ này làm thể với mười độ, kia giống như nước lắng trong mới soi tượng được hình. Do hai môn khai ở nhất tâm, đâu được chẳng đều là định tuệ! Văn trên có nói đầy đủ.

Trong duyên bên ngoài.

Số: Nhà cư..., không làm mọi việc gọi là nhàn, không ồn náo gọi là tĩnh. Ý khiến tâm vắng lặng nên phải lìa phố thị ồn náo. Nếu muốn lìa ồn náo, nên bỏ làng xóm, ở nơi A-lan-nhã. Phần trần không hợp chỉ, nếu muốn dễ thành thì ở đây có ba chỗ để tu thiền định:

Chỗ núi sâu không bóng người.

Cần ở chỗ A-lan-nhã, lìa nơi làng xóm, gần nhất là ba dặm, tức từ nơi thả trâu mà không nghe thấy tiếng trâu kêu. Không có các phố thị ồn náo. Chọn những nơi này không còn ở đâu hơn.

Xa nhà người tại gia, ở trong già-lam thanh tịnh, đều gọi là chỗ nhàn tĩnh.

“Tịnh giới” cũng giống như đựng thức ăn ngon phải dùng đồ sạch. Nếu giới không sạch thì định sẽ chẳng sinh. Nếu biết người này trước đã phá giới thì phải y pháp sám hối, khiến giới (được trong sạch) như trước.

Vì giới bất tịnh, tức có nghiệp chướng, khiến tu chỉ chẳng thành, sẽ cảm ứng các việc bệnh tà ma, làm xâm tổn nhiều loạn.

Y thực, v.v...,

Y đầy đủ lấy làm căn bản có ba:

Bậc thượng: Như Đại sĩ ở núi Tuyết (Phật) được bất cứ một y nào để che thân mà thôi.

Bậc trung: Như Ngài Ca-diếp có ba y phần tảo, chẳng chứa nhiều y.

Bậc hạ: Cởi nước lạnh nhiều và năng lực nhẫn chưa thành tựu, nên cho ba y. Ngoài ra có một trăm lẻ một thứ giúp thân.

Thực đầy đủ, ở đây có bốn thứ:

Bậc thượng: Bất cứ được món gì ăn cho khỏi đói mà thôi.

Bậc trung: Thường thực hành hạnh đầu-đà, thọ pháp khất thực.

Bậc hạ: Ở chỗ A-lan-nhã nhận đàn việt dâng thức ăn.

Bậc hạ hạ: Tăng thường ăn và thọ thỉnh. Ngoài những thứ này, nếu chứa để nhiều, sẽ thêm lớn lòng tham, làm trở ngại cho việc tu đạo.

Nay người cần y thực, nếu thiếu một thứ thì tâm có suy lường, không do đâu được định.

Thiện tri thức, có ba:

1/ Đủ khả năng giúp đỡ. 2/ Khuyên bảo lẫn nhau. 3- Dạy bảo pháp môn tu hành.

Như đỉnh ba chân thiếu một không thể được.

Dứt các việc duyên, có bốn:

1/ Sinh nhai. 2/ Việc người. 3/ Kỹ nghệ khéo léo. 4/ Học hỏi đọc tụng.

Chỉ cần làm một trong bốn việc này thì có sự ngăn trở, khiến không được định.

Chân ngay thẳng v.v..., có một chân ngồi bán già, chân phải đề lên chân trái làm tòa hàng phục ma. Lấy chân trái đề lên chân phải làm tòa cát tường. Nếu hai chân đề lên nhau là toàn già (kiết già). Ngồi như thế khiến tướng nghi thẳng đẹp, như Trí luận nói rộng. Nên có kệ rằng:

*Thấy ngày ngồi kiết-già,*

*Ma vương còn kinh sợ,  
Hướng chi người nhập đạo  
Vững mình không nghiêng động.*

Nói đây y, sợ ngồi lâu hơi thở mạnh bất an, không để rơi rớt, nghi tướng chẳng đẹp, hoặc sợ gió lạnh.

Y cứ vào thượng, ngăn gió che khí khỏi bị tâm thần tán loạn. Nhưng muốn ngậm miệng thì trước phải thở hơi từ trong bụng ra. Khi thở ra há miệng thở hơi ra. Thân tưởng trăm mạch chỗ chẳng thông. Giáo đều mở thông, hơi thở ra cho hết. Song ban đầu ngậm miệng, giữa mũi trong đó có khí trong sạch. Khi ngậm miệng, chỉ được lưỡi răng để vừa chạm nhau. Mắt không nhắm hoàn toàn, mở hoàn toàn thì trạo cử, nhắm hoàn toàn thì mê mờ, chỉ làm sao cho trừ ánh sáng bên ngoài mà thôi.

Chỉ Quán hai quyển: Tức kia ban đầu học Tọa Thiền Chỉ Quán. Bốn chỉ có một quyển nên khai thành hai. Kia có mười môn để tu chỉ quán:

Đủ duyên: Lược như sơ có nói.

Quở trách dục: Nghĩa là năm dục như sắc, thanh, hương..., “Cái gọi là quở trách”, biết rõ năm dục này nã hoặc chúng sinh, do đây chịu khổ chẳng được giải thoát. Sáu sinh nhàm chán, xa lìa, chẳng còn đuổi tìm phan duyên, gọi là quở trách.

Bỏ triền cái: Nghĩa là tham dục, ngã nghĩ, sân, trạo, hối, nghi. Cái gọi là bỏ, đó là giác biết năm dục này che đậy tâm tánh chúng sinh không được giải thoát. Như mặt trời, mặt trăng bị khói mây làm mờ không được chiếu rõ, nay đều xa lìa tức gọi là bỏ.

Điều hòa: Điều hòa ăn uống không đói không no, điều hòa ngủ nghỉ chẳng ít chẳng nhiều, điều hòa thân chẳng khoan chẳng gấp. Điều hòa hơi thở chẳng yếu chẳng mạnh. Điều hòa tâm chẳng nổi chẳng chìm. Khiến năm việc này điều hòa đúng chỗ.

Phương tiện hành: Nghĩa là dục, tinh tấn, niệm, tuệ, nhất tâm. Do hay có ý chí ưa tu thiền định, ra khỏi thế gian, ngày đêm siêng năng tiến đến các pháp lành. Niệm đời vô thường đáng khinh đáng rẻ, thiền định, trí tuệ đáng quý đáng trọng. Đối với pháp hữu lậu và vô lậu biết phân biệt tướng khổ vui hư thật, nhất tâm quyết định tu hành chỉ quán. Bởi thế gọi là hạnh phương tiện.

Chính tu chỉ quán: Trong đó có khi ngồi tu, hoặc gặp duyên đối cảnh tu, đều như văn kia.

Phát được gốc lành: Tức đồng văn sau hiện báo mười lợi ích,

V.v...

Biết được việc ma: Như văn sau nói.

Trị bệnh: Trước phải biết chỗ bệnh phát khởi, phát khởi có bốn thứ: từ bốn đại khởi, từ năm tạng khởi, chỗ tạo của quỷ thần và chỗ cảm nghiệp nhân. Đã biết bệnh rồi, thì dùng chỉ quán trị hai thứ trước, dùng chú lực trị loại thứ ba, tu phước sám hối trị loại thứ tư.

Chứng quả: Tức nhập trụ bất thoái, đều như kia nói, lược biết đại khái, nếu cần thấy đầy đủ, nên tìm bốn văn.

Điều tâm, tâm tức là ý, điều phục tâm ý khiến thú hướng chân chánh.

Mạt thế v.v... trở xuống: tướng xuất phát bất chánh, nhưng giới, định, tuệ học và các hạnh tạp phần nhiều có là tai họa. Bồ-tát Giới Sở chép: “Trong Phật pháp con người phần nhiều ở trên bốn địa vị mà khởi hạnh. Nghĩa là ba học và tạp hạnh.

Một là theo Giới học, có hai loại:

Giả bộ: Nghĩa là tuy chẳng phá giới tánh mà chẳng ngay thẳng, nương tà sư nghĩ kế giả hiện oai nghi, làm hoa mắt thế gian để cầu danh lợi, vốn không có chút tâm để cầu ra khỏi. Giả bộ uy nghi lừa dối người khác, đều là người không có đức, đây là giặc Sa-môn và cũng là giặc oai nghi, như Kinh Ca-diếp và Bảo Tích có nói.

Thức cạn: Nghĩa là tánh chẳng có trí sâu xa, ý giới hạnh mình sẽ là ra khỏi, lăng tổn người khác thừa mau giới chậm, nghe các pháp không liền sinh sợ hãi, đây là kẻ thù trong Phật pháp, xuất phát từ kinh Phật Tạng.

Hai là theo Định học, cũng có hai loại:

Tham cuống (tham rô đại): Nghĩa là tánh ưa danh lợi, ở lâu trong núi mà tâm thiếu yên tĩnh, hiện được tướng định làm hoa mắt người đời, lấy đại danh văn ức chế người khác không có tướng này, đều là quấy. Đây là giặc a-lan-nhã, xuất phát từ kinh Hoa Thủ.

Tà mạn: Nghĩa là tánh chẳng phải học rộng, nương trong núi tu tập thiền định, được năng lực quỷ thần che chở thấy được tâm định, đã giác biết là bất thiện, liền nương vào đây khởi kiêu mạn, nghĩ rằng sẽ có tiếng tăm lừng lẫy, lăng tổn người khác, đều là quấy, hủy tổn Phật pháp, đây thật là bè lũ giết cướp nguy hiểm. Xuất phát từ luận Khởi tín và kinh Hoa Thủ.

Ba là theo Tuệ học, cũng có hai loại:

Về cạn: Nghĩa là tánh thấp kém, nghe tụng học không thứ lớp. Vì danh lợi ngập lòng, gấp lên tòa giảng nói theo những điều hiểu biết

của mình mà ước đoán chê bai xưa nay, chỉ cần danh lợi mà không có ý gì khác, tự ý lại không tu hành, khinh khi giới định. Đây là kẻ cướp hủy báng Phật pháp, phải vờ lấy khổ lớn. Xuất phát từ phẩm Ma Nghiệp trong kinh Hoa Nghiêm.

Về Sâu: Tuy đối với văn nghĩa ba tạng của Nhị thừa rất ít thông suốt, chưa hiểu được ý Phật, nên khi truyền pháp, chỉ khen ngợi danh lợi để khuyến bảo người hậu học, chê bai xưa nay, để chứng tỏ mình là hơn hết, cậy mình cho là người có đức sinh tâm kiêu mạn, lấn át người khác, huống chi lại ngay từ pháp sinh ra bệnh, thì không còn cách nào mà cứu chữa được nữa. Thật lạ thay! Từ trong nước sinh ra lửa, thì còn lấy gì mà dập tắt được. Như vậy, thì thật là ten cướp nguy hiểm làm hại Phật pháp, xuất phát từ kinh Phật Tạng, Thập Luân, v.v...

Bốn là theo Hành Tọa, cũng có hai loại:

Về hành phước: Nghĩa là tánh chẳng ngay thẳng, làm mưu kế giả dối, tôn sùng những sự phước lạ kỳ, làm hoa mắt thế gian đều mưu cầu quà biếu cho nhiều, ít thì hô cho nhiều, dùng kế sách này để sinh sống, thỏa dạ mong cầu, cậy có những cái này khởi tâm kiêu mạn, lấn át người khác không có lợi dưỡng, đều do làm quấy, lợi dưỡng đã như vậy, tiếng tăm cũng thế. Đây là tên cướp nguy hiểm hủy báng Phật pháp. Xuất phát từ kinh Ca-diếp.

Đứng về các hạnh khác: Nghĩa là tánh chẳng phải tuệ ngộ, theo học được một pháp gì liền giấu kỹ, rồi đem sở học ấy làm hoa mắt người khác để cầu danh lợi, bài bác người khác tu đều chẳng tốt ráo. Đây cũng là người ngu thuộc tên cướp nguy hiểm làm hại Phật pháp. Người tu hành nếu dính mắc một lỗi gì trên đây, nên phải hiểu sâu cảnh giới.

Lìa đây v.v... trở xuống, là nói ý này đều rất dễ hiểu.

Lìa cảnh:

**Số:** Đều là việc định, gồm số tức ở trước v.v... chẳng phải chỉ cho năm thứ này. Mười nhất thiết xứ, tức thanh v.v... có bốn, Không v.v... có năm, và thức nữa là mười.

Nói nhất thiết xứ, quán mỗi pháp đều trùm khắp tất cả chỗ, do đây cũng gọi là “quán mười biến xứ”. “Cũng có thể v.v...” nghĩa là chẳng nương tâm tán loạn, khi mắt thấy sắc, cho đến ý biết pháp, v.v... Nghe sáu trần là tai mũi, giác là lưỡi thân, biết tức là ý. Nhiếp sáu lược tận, nay nêu năng chấp sở.

Ở đây v.v... trở xuống, giải thích ý, do đưa ra những thứ này vì Duy thức hiện, không có tự thể riêng. Đã biết ngoài tâm không có trần, đâu hợp đem ngoài tâm mà gá, nếu không như vậy thì đâu gọi là tu Chỉ? Trở

lên chỗ duyên các định, đều là chỗ lập bày trong giáo quyền, tiểu, tạm khiến chế tâm dần phát vô lậu. Nay thật giáo này, đều chẳng lập nương, tức cho thẳng xe báu chẳng cho xe ngựa xe dê.

Nói: Tất cả v.v... trở xuống, có hai:

Trong dứt trừ vọng tưởng:

Chính trừ: Số: Ngoài tâm đều trừ, đây có hai nghĩa:

1- Trừ thấy nghe hay biết bên ngoài, lại có tâm tưởng, theo những niệm gì đều dứt trừ hết.

2- Trừ ở trước về số tức, vòng móc mười biến xứ, cảnh ngoài mà quán tưởng, thấy đều chẳng nương. Vì nay tâm tâm hướng về lý, nên chọn bỏ việc tưởng, nên nói đều dứt trừ.

Chỗ mất v.v..., nương huyễn nói giác cũng gọi là huyễn, nếu nói có giác vẫn chưa lìa huyễn. Nói không giác cũng giống như thế, nên cũng phải trừ. Đây tức tâm huyễn diệt nên huyễn diệt cũng diệt. Ngoài ra vẫn rất dễ hiểu.

Giải thích thành: Nói do tất cả v.v... trở xuống.

**Số:** Thuận theo pháp tánh: dù nói tất cả pháp, nhưng ý ở chân tánh. Do tất cả pháp đều chân, đều đồng Như, rộng như môn chân như nói, đây tức lìa tướng tâm duyên.

Chuyển giải thích v.v..., khoa này như văn chỉ bày.

Bởi do v.v... trở xuống, giải thích ý văn này. Trước nói pháp tánh vốn không có tướng, thật do tướng thể tự không, vốn tự chẳng sinh, nay tức không diệt, đây bởi vốn không, chẳng phải phân tích khiến không.

Đây chính v.v... trở xuống là giải thích ý chỉ của văn, chẳng cho rằng đợi khi vô niệm, mới chẳng sinh chẳng diệt, do chỗ niệm niệm sinh tức là vô sinh, khi niệm niệm diệt tức là chẳng diệt. Như kinh nói: “Mới sinh tức có diệt chẳng vì người ngu nói”. Lại kinh nói: “Ngay chỗ phát sinh, theo chỗ đó đã có sự diệt tận”, dụ rõ rất dễ thấy.

Phân biệt trở lại:

Nói cũng chẳng v.v... trở xuống.

**Số:** Nếu tâm v.v..., ở trước ngược lại buông. Ý nói: Ngoại cảnh nếu thật có tự thể, ép tâm chẳng duyên thì không bao giờ được, do chẳng có tự thể chẳng duyên, nên sau được lấy tâm trừ tâm, đây tức buông thì kia có thể dứt trừ. Nhưng, một chữ “Thừa” lại văn này đã tương tận, ba chữ “Tợ, thừa, và không” chỉ có thể nói đã ép khiến chẳng duyên, có thể được sau lấy tâm trừ tâm, nghĩa mới hiển rõ, kể lại rõ ràng.

Nay đã v.v... trở xuống là nói rõ. Đã biết không cảnh tâm tự chẳng sinh, đâu được phóng tâm duyên bên ngoài, sau lại trừ mất, há chẳng



tự nhọc ư! Như người khiến con làm quấy, lại khiến trách kia, thì đâu có việc ấy.

Nói: Nếu tâm v.v... trở xuống, trụ chánh niệm có hai:

Chánh hiển:

**Sớ:** Ban đầu tập, v.v..., ở đây có khác với trước, trước tức chẳng phóng tâm duyên theo bên ngoài, đây chính là xoay vần rong ruổi.

Ngoại cảnh do tâm, vốn không có cảnh giới vọng khởi phan duyên, gọi là bất chánh. Nay thì quán cảnh không có cảnh, biết tâm không có tâm, chỉ một thật tướng, ngoài thật tướng không còn có pháp khác, ngay lúc này phân biệt chẳng sinh, nên gọi là chánh niệm.

Lìa tướng:

**Luận:** Tức lại v.v... trở xuống, là lìa tướng.

**Sớ:** Duy tâm tịch, tướng duy tâm này cũng không thật có. Trước tức lìa năng sở phân biệt, chỉ một thật tướng gọi là Chánh niệm. Nay tức chánh niệm cũng không có tự tướng. Do lẽ có tướng đều là luống dối. Kia cũng chẳng biết cái biết có vắng lặng, cũng chẳng tự biết cái biết tự tánh vẫn rõ ràng, nên chẳng đồng với cây đá.

Trong các oai nghi, tức đồng với tông Thiên Thai trải qua duyên đối cảnh tu. Nghĩa là trải qua sáu duyên: đi, đứng, nằm, ngồi, nói, làm, đối với sáu cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vả lại, nếu muốn đi liền tự suy nghĩ nay vì sao đi. Có lợi thì đi, không lợi thì không đi, nhưng vào lúc đi, rõ biết tâm đi và đi tất cả việc đều không thật có, không thể được nên vọng niệm tự dứt gọi là tu chỉ. Tức quán pháp không thật có, mỗi nhân duyên đều là vắng lặng, gọi là tu quán. Trụ v.v... nêu lên ở đây.

Lại lúc thấy sắc tu chỉ quán, thấy tất cả sắc như tượng trong gương, trắng đáy nước, đều không thật có, chẳng sinh tướng niệm phân biệt, gọi là tu chỉ. Sắc v.v... nhân duyên, có rớt ráo vắng lặng gọi là tu quán. Thanh v.v... nêu lên ở đây. Hoặc chỉ, hoặc quán, đều thuận theo pháp tánh, vì pháp tánh thường tịch thường chiếu. Nhưng, tông Thiên Thai tu chỉ, tự phân ra ba chỉ, quán cũng như thế. Vì đứng về ba đế ba cảnh mà tu. Nay trong văn này đứng về hai môn chân như, sinh diệt mà tu chỉ quán, đều thuận nhất tâm tức là song tu. Nhưng tu tức là dứt phân biệt hai bên, là chỉ quán Trung đạo nghĩa đế đệ nhất, ngoài ra, văn rất dễ biết.

Chỉ thành tự:

**Sớ:** Chỉ thành, chỉ là ở trước thành phương tiện, chưa phải tức chỉ của quán.



Phụ tâm: Do từ lâu tập nên theo tâm thành chỉ, do theo tâm nên tức thành Tam-muội, tức Tam-muội Chân Như. Tam-muội Chân Như mới phải tức chỉ của quán. Xa-ma-tha: Tiếng Phạm là Tam-muội, Hán dịch là Chánh định.

Hoặc nếp phục, v.v..., nếp phục bốn trụ, thấy tu phiền não chưa thể đoạn, nên nói hoặc nếp phục. Nhưng đây cũng có nghĩa vô minh nếp phục. Luận nói nếp phục sâu ý bao gồm ở đây. Đây là ngay địa vị tín, nếu lại tăng tiến mau nhập Sơ Trụ, nên nói tín mãn nhập trụ. Nhập trụ tức Bất thoái.

Trong hiển bày chương:

**Sớ:** Đối với lý do dự, đối với nghĩa lý sâu xa, chẳng phải bất định, nên không thể nhập. Như kinh Viên Giác nói tu hai mươi lăm luận rằng: “Một niệm nghi hối thì không thể nhập”.

Xiển-đề, là A-xiển-đề, Hán dịch là Vô tín. Ở đây tức một bề cho là chẳng đúng, nên chẳng đồng nghi hoặc. Ngoại đạo là tông tu tập pháp tà, phỉ báng chánh đạo. Ở đây chẳng phải chỉ không tin, lại thêm lỗi này cho nên khác trước.

Năm tội nghịch: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng và làm thân Phật chảy máu.

Bốn tội trọng là sát, đạo, dâm, vọng.

Hỏi: Văn sớ ở trước nói; “Có nghiệp chương, chỉ nên sám hối”. Nay tại sao dứt trừ?

Đáp: Ở đây nói trừ, là về mặt chẳng sám hối, sám hối thì sẽ được nhập, chẳng đồng Tiểu thừa có định nghiệp. Nên kinh Niết-bàn nói: “chưa nhập nghiệp ngã pháp thì quyết định, nếu nhập ngã pháp thì chẳng quyết định”.

Nướng vào ngã, đây hoặc nướng vào ngã nên chẳng tu, hoặc tu mà còn ngã, cũng không thể nhập. Nên kinh Viên Giác nói: “Người tu đạo không trừ ngã tướng, nên không thể nhập giác thanh tịnh”.

Buông lung: hoặc tham mà buông lung nên chẳng tu, hoặc tu mà chẳng siêng năng, cũng không được nhập. Người học chẳng đến được, vẫn e là có lỗi, Huống là loại này ư!

Là sáu v.v... trở xuống, chẳng cho rằng đầy đủ sáu chương này mới chẳng được nhập. Trong sáu chương, chỉ có một chương, là làm chương đạo không được Tam-muội.

Trong phần hiển bày chỗ cao quý:

Nói Pháp thân chư Phật và thân chúng sinh không hai. Có ba ý:

Ý chấp Pháp thân chúng sinh.

Pháp thân trôi lăn trong năm đường, gọi là Chúng sinh.

Tướng không của chúng sinh tức Pháp thân.

Ở đây trong ba ý, ý đầu và sau là chính. Kinh Tịnh Danh chép: “Như tự quán thân thật tướng, quán Phật cũng như vậy. Bình đẳng tức không hai, không hai tức nhất tướng”.

Nói Tam-muội Nhất hạnh, tức Tam-muội Chân Như. Nghĩa là trụ cảnh chân như, gọi là Tam-muội chân như. Do chân như không có tướng khác, chỉ có hạnh tạo pháp này gọi là Tam-muội Nhất Hạnh. Đây chính do cảnh một, khiến trí hành cũng một. Ở trước tức từ cảnh mà được tên. Đây là chung ở pháp hạnh. Trong khoa nói năng sinh, thật ra là nghĩa nói năng sinh.

Trong phần hai:

**Sớ:** Nhất tướng pháp giới, là cảnh sở duyên.

Duyên nhiều pháp giới, duyên nhiều là tâm năng duyên. Dừng tâm xét lý thâm hợp với cảnh.

Pháp giới chư Phật, là chỗ chứng pháp môn của chư Phật Như Lai, hà sa vô lượng cách biệt khác nhau. Nhưng cũng mỗi mỗi chẳng khác pháp tánh.

Nhập Tam-muội này, đều được biết không có khác nhau.

Do chân như này..., do chân như là tất cả pháp căn bản, tu Tam-muội này cũng cùng tất cả Tam-muội làm căn bản.

Nói nếu người v.v..., Tam-muội này đã là căn bản. Nếu người này nhập năng sinh trưởng tất cả Tam-muội. Vì gốc từ ngọn sinh, nên các Tam-muội từ đây thành.

Nói về việc ma:

Tiếng Phạm ngữ Ma-la, Hán dịch là sát, nghĩa là cướp đoạt của cải công đức, giết mạng trí tuệ của người tu hành.

Nói sự: là do công đức trí tuệ như Phật, làm việc độ chúng sinh khiến nhập Niết-bàn. Ma chẳng như thế, làm việc thường phá hoại gốc thiện của chúng sinh khiến trôi lăn trong sinh tử, vì ma ưa sinh tử, nên ba cõi chúng sinh tất cả thuộc về ma. Nay người tu hành có ý chí muốn ra khỏi ba cõi, lại phát thệ nguyện rộng lớn, độ khắp chúng sinh. Ma sợ giảm ít quyền thuộc, nên đến quấy nhiễu, khiến kia thoái đạo. Người tu hành phải phân biệt rõ biết mà hàng phục. Nhưng có bốn thứ ma khác nhau:

1/ Ma phiền não. 2/ Ma uẩn. 3/ Ma chết. 4/ Ma quỷ thần.

Ba thứ trước là ở bên trong, do bên trong nên tu để hàng phục, ma quỷ ở bên ngoài nên phải phân biệt.

Trong phần một:

**Số:** Chướng ngại, chướng ngại người nhập đạo, ngại khiến lui sụt. Đôi dịch tinh mị đều như ở sau nói.

Ba thứ, là ma, quỷ, thần:

Trái với hữu tình năm trần hoặc lớn hoặc nhỏ làm sợ hãi muôn mối, nên khiến cho thất chí.

Thuận với năm trần hữu tình, đối nam hiện nữ, đối nữ hiện nam, làm cho kia sinh nhiễm.

- Bình đẳng năm trần, chọn bỏ hai thứ trước, tức là cảnh này. Vì ba thứ ma, quỷ, thần đều có khả năng thực hiện việc trái, thuận, bình đẳng.

Trong phần đối trị. Số có hai:

Chính giải thích ý chỉ của luận:

Tất cả v.v..., như ở trên chỗ hiện chỉ là một số cảnh. Nên trước nói: “Nếu lìa tâm niệm thì không có tất cả tướng cảnh giới”. Lại nói: “Tâm sinh thì các thứ pháp sinh. Tâm diệt thì các thứ pháp diệt, v.v....”.

Lại đây v.v... trở xuống, nghĩa duy tâm.

Phương tiện giáo, còn không thể biết, há ngoại ma kia hiểu được lý này. Đại Luận chép: “Con ruồi đậu được trên tất cả vật, chỉ không thể đậu trên sắt nóng. Nếu ruồi đậu trên sắt nóng thì thành lửa. Ma hay duyên tất cả cảnh giới, không thể duyên thật tướng, nếu ma duyên thật tướng thì ma cũng thành thật tướng”.

Thông mất: Tất cả sự thấy nghe chỉ dùng pháp này mà đối trị. Như cam lồ cõi trời các bệnh đều trị được. Kinh Viên Giác nói: “Trừ chỗ nghe kia, tất cả cảnh giới đều không thể giữ”, đây đều là thông mất.

Ra khỏi đối trị: Môn diệt v.v... trở xuống, có hai:

Lược nói, có ba:

Trị ma: Các cỏ thuốc đều có công năng:

Bát-nhã là loại kim cương Ma-ha.

Chú là các đà-la-ni, số kia chẳng phải một.

Mặc niệm: sợ kia nghe mà hiểu khiến chú không có năng lực, như trao thuốc cho uống, không thể khiến cho biết.

Quỷ Đôi Dịch: Kinh Thiên Bệnh chép: “Trưởng giả La-tuần-du Khi con mới xuất gia, Phật Ca-diếp dạy quán số tức, chỗ an tĩnh thấy một con quỷ mặt như đàn Tỳ-bà, có bốn mắt, hai miệng, giơ tay phát ra ánh sáng, dùng tay vỗ vào người từ hai nách trở xuống và phân thân kia, miệng nói đôi dịch, đôi dịch, như vòng lửa tròn tương tự như ánh sáng chớp, hoặc diệt hoặc sinh, hoặc tạo hình chuột, hoặc tạo tiếng ngựa,

hoặc tạo tiếng quỷ rên rĩ, hoặc xì xào, các thứ nhiễu loạn khiến người tu hành phát cuồng. Phật nói: “Quỷ này vào thời Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, có một Tỳ-kheo sắp chứng đến sơ quả, phạm tà mạng nên bị chúng tấn xuất, nổi sân rồi chết đi, tự thề làm quỷ nhiễu loạn bốn chúng, đôi dịch là do miệng nói.

Lạp-kết-chi: Thiên Kinh nói: “Đây là Thi quỷ khởi”.

Nói thâu: có thể nói đây là loài quỷ ưa lấy trộm xác chết, hoặc là từ ngữ này liên kết tiếng Phạm ở sau. Vả lại, cả hai (từ này) còn tồn tại, thì không thể cho là trộm, hay hạ Lạp được mà thấy kinh chỉ nói: “Các Lạp-kết-chi, tay cầm gậy thiết bạng, v.v.. Giới luật tức giới của Thanh Văn và các bộ văn luật, ba quy y và năm giới cấm có thể biết được.

Ít nam nữ v.v..., tức thuận theo tình cảnh, nghĩa là tạo cha mẹ, anh em, hình tượng chư Phật...

Thân đáng sợ, hoặc là hình cọp sói, sư tử, quỷ la-sát... Các thứ hình tượng đáng sợ, để làm cho người tu hành sợ hãi. Như Thiên sư Ngôi thấy quỷ, hoặc thấy không đầu, Sư nói: “Lành thay! Người không có đầu thật là một tai họa rất đau đớn!”, hoặc không có bụng và năm tạng, v.v... Sư đều lấy những câu nói đùa cợt để châm biếm các loài quỷ này. Lại thấy hiện ra người nữ trẻ tuổi. Sư nói: “Bần đạo thân như cây khô, tâm như tro lạnh”, không còn đủ sức để đọ với cái túi da xú uế ấy được. Quỷ này liền bay lên hư không mà biến mất. Nên vẫn còn có bài kệ tụng rằng:

*Biển lớn có thể khô  
Tu-di có thể nghiêng,  
Nhưng Bạc Thượng nhân kia  
Ý chí thật vững chắc.*

Tê giác, có thuyết nói tương tự như trâu, sắc màu xanh một sừng, nặng ngàn cân, răng móng rất bén, chiết phục được ngàn hổ.

Cho đến, hoặc phần nhiều từ giờ mao đến, là thỏ, nai. Từ giờ thìn đến là rồng, phụng, cá v.v... Giờ kỷ tức là rắn, giun, trạch. Giờ ngọ tức ngựa, lừa, lạc đà v.v... Giờ mùi đến là dê, ứng, chim cất v.v... Giờ thân đến là khỉ, vượn v.v... Giờ dậu đến là gà, chim trĩ. v.v.. Giờ tuất là cẩu, sói, sâu, v.v... Giờ hợi đến là heo, v.v... Giờ tý đến là chuột, dơi, yến. Giờ sửu đến là trâu, tê giác, v.v...

Hiện hình:

Nói Trước là hiện hình, như Tổ Ưu-ba-cúc-đa thấy ma hiện hình Phật có tám chúng đi theo, bát giác lễ bái, v.v...

Nếu nói v.v... trở xuống, là nói pháp Đà-la-ni, là giá trị. Nghĩa là giữ thiện ngăn ác, nhưng có nhiều chữ, một chữ, không chữ.

Chỗ ma nói, nên chỉ hai câu trước, do không biết duy tâm không thể nói chữ không được.

Bình đẳng đến vô nguyện, tức ba môn giải thoát.

Nói lên nghĩa không:

Không oán trở xuống, là nói lên nghĩa không, rất dễ biết, mà này chỉ nói được mà không thể chứng. Tông Thiên Thai nói: “Ma nói được không giả trung riêng khác nhưng không thể chứng”.

Đặc thông: Luận Trước là ma được thông, được năm thông hữu lậu. Khiến người tu hành cũng được thông này. Trong đây quá khứ là túc mạng, vị lai là thiên nhãn, hiện tại là tha tâm. Ở trước hiện hình tức là thần cảnh, do chẳng hiển bày thiên nhĩ, bao gồm ở trong kia. Biện tài vô ngại là khởi biện.

Trong phần khởi hoặc: Ban đầu là khởi hoặc: Do chánh định khiến người dứt hoặc, ma định khiến người khởi hoặc. Vì người tu hành gốc lành cạn mỏng, tu Tam-muội dẫn đến tướng tà này, kể là từ Hoặc xả rồi v.v... trở xuống, là tạo nghiệp.

Trong phần y cứ định: Ban đầu là y cứ định, từ Được tự nhiên v.v... trở xuống, là đắc thiền.

Tự nhiên ăn uống v.v... là thiền duyệt thực, hoặc đối với sự ăn uống thượng diệu của nhân gian.

Trong phần này: Ban đầu là thật khác nhau.

Nhan sắc v.v... trở xuống, là nhan sắc thay đổi, số có hai:

Nương riêng chỉ chung:

Phân biệt chung:

Hỏi: như v.v... trở xuống là đứng về khoa phân biệt chung, có hai:

Hỏi: Đời trước v.v..., như ở trước nói. Tam hiền trở lên cho đến Phật hay tạo duyên sai biệt với nhị thừa, phàm phu, nên nay trong định hiện thấy nghe đã đồng, đâu biết tà chánh?

Đáp: Có hai:

Khen ngợi khó hiểu:

Rơi vào lưới tà, lấy tà làm chánh, nên kinh Lăng-nghiêm nói: “Nếu có thắng giải thì rơi vào các tà”.

Lui sụt gốc lành, lấy chánh làm tà. Do vì chấp, nếu xả cả hai đều có lỗi, cho nên rất khó. Như đập lửa phải chịu nóng, thấy cửa báu mà không lấy, cả hai đều có lỗi, có lỗi nên không có ngày tiến lên.

Phân biệt: Nay vả lại v.v... trở xuống, có bốn:

Nêu nương pháp xưa:

1-Thâm nhập thiền định. 2- Chở đổi ý chí xưa. 3- Quán sát gốc

ngọn kia.

Dẫn kinh làm chứng: Như kinh v.v... trở xuống.

Ba thứ để thử v.v..., nếu đốt mà vẫn thuần túy, đánh vẫn vững chắc, mài mà không mỏng thì được gọi là chân.

Cộng sự: nếu tạm hội tụ phải cùng nhau theo việc. Theo việc thì thể tánh kia có tình. Tình thì dễ biến, tánh thì chẳng đổi, nên có thể biết, nếu như chưa nói thì ở lâu sẽ thấy. Người nhân nghĩa thì ở lâu mà tiếng thơm khắp. Người chẳng nhân nghĩa thì không thể ở lâu. Mà lại chưa nói, nên dùng phương tiện khéo léo quán sát thấy lý do kia. Quán chỗ lý do kia, sát chỗ an lập kia, tự nhiên sẽ thấy tà hay chánh.

Nương pháp chính phân biệt:

Nay mượn ý này v.v... trở xuống là nương pháp phân biệt, trong kinh có ba ví dụ để nghiệm người tu hành chân thật hay luống dối. Văn nói: “Người tu hành cũng giống như vậy”, nên công sự có ba cách thử. Văn này sẽ nghiệm ở cảnh định, chẳng đồng ý kinh, nên nói: “Mượn đây, v.v...” chỉ mượn dụ kia chẳng chấp pháp.

Quán bất tịnh, tùy theo chỗ tu lúc ban đầu quán gì? Hoặc số tức hoặc bất tịnh, v.v... Nay ở đây thiền xuất phát cảnh giới kia, tức khi nương gốc tu tập thì nghiệm được tà chánh.

Hợp hiển:

Như đốt v.v... trở xuống là hợp hiển bày. Kinh ví dụ có hai:

Dụ: Chỉ nêu một ví dụ, ngoài ra trình bày cho biết, cho nên không nói.

Hợp: Trong đây v.v... trở xuống.

Ví dụ định..., y cứ nghĩa thuận, hợp có thể biết.

Tổng kết: Do đây v.v... trở xuống.

Ba thứ nghiệm..., đã dùng định, đá, mài là thực hành đánh đập, thiêu đốt tuệ, tà chánh, sắt vàng sẽ rõ.

Đối trị:

Nói do là nghĩa, chỉ cho năm cặp trước.

Sở Nương tự v.v..., theo chỗ có năng lực trí tuệ của mình, quán cảnh giới kia chẳng vọng lãnh thọ. Nên quán thật tướng các pháp, không tà chẳng phá, do biết cảnh giới duy tâm vốn tự chẳng sinh, không hề tin nhận, vọng có chấp trước, rơi vào lưới tà.

Nếu không v.v..., do theo cảnh giới kia, nếu chấp trước tâm tức là tán loạn. Do tâm loạn nên mất ở chánh thọ. “Chánh thọ” chẳng thọ các thọ. Nay đã thọ tức gọi là mất, do mất chánh tức rơi vào tà, không có nghi ngờ. “Tà chẳng liên hệ chánh” vì là pháp tà

Luống đối: chánh pháp chân thật, nếu lập chân thật, luống đối tự hoại. Do người tu hành, trụ sâu Tam-muội chân như, nên kia tự nhiên lui sụt.

Nếu chấp v.v..., ma hiện cảnh mục đích là khiến người chấp trước, tâm niệm vừa khởi liền đọa vào kia không nghi ngờ. Nếu thâm nhập duy tâm thì tà liền diệt, tức chánh liền còn.

Cho nên, v.v..., chẳng chấp trước tức hồi tà về chánh, chấp trước thì biến chánh thành tà. Tuy nhiên, Tông Thiên Thai trị ma chẳng lìa hai thứ. 1/ Chỉ trị: nghĩa là phạm thấy tất cả ngoại cảnh tốt, xấu v.v... thấy đều biết luống đối, chẳng ưa chẳng sợ, cũng chẳng chấp bỏ, cũng chẳng phân biệt, dứt tâm lặng lẽ, kia tự nên diệt. 2/ Quán trị: Nghĩa là nếu thấy, v.v... chỗ nói như trên, các thứ cảnh ma dùng chỉ chẳng đi, tức ngược lại quán tâm năng thấy, chẳng thấy nơi chốn, kia đâu thể nào hại. Như thế khi quán, phải nên diệt lui, nếu chậm chậm không đi, chỉ nên chánh niệm chớ sinh sợ hãi, chẳng tiếc thân mạng chánh tâm bất động. Biết cõi ma như cõi Phật, như một như vô hai như. Cõi ma không chỗ xả, cõi Phật không chỗ chấp, tức Phật pháp tự hiện, cảnh ma tự diệt. Nay trong luận này trước là quán trị, nên nói: “trí tuệ quán sát”.

Từ Nên siêng năng chánh niệm v.v... trở xuống, là chỉ trị. Hai trị chỉ và quán đều chẳng chấp.

Trí Độ v.v..., do sinh tâm chấp cảnh, cảnh liền thành ma, cảnh làm mê hoặc tâm kia tức là việc ma Vả lại, các pháp như sắc v.v..., chấp thì thành cảnh trần, chẳng chấp thì thành cảnh diệu. Nay quán tất cả đều là thật tướng. Ngoài thật tướng không có các pháp. Cho nên người thấy có pháp đều là ma. Huống chi trong định mà thấy cảnh giới, đâu chẳng phải là ma!.

Kệ rằng, v.v..., như trong kinh nói: “Có một vị Tỳ-kheo, ma muốn mê hoặc, trải qua bảy ngàn năm rồi, ma chẳng được dịp. Vì sao? Vì Tỳ-kheo chẳng khởi tâm”. Kia giống như thất kín, gió không thể vào. Gió được vào là do lỗ hổng. Ma được dịp khuấy phá là do khởi niệm.

Từ ngay v.v... trở xuống là chỉ bày văn của luận ở trước, vì đối đối ba thứ thứ. Do định tĩnh mà mài và nung hai gốc tu, trị.

Do đây v.v... trở xuống là giải thích lý do. Có người hỏi: Y theo luận chánh niệm mà nói, chỉ là định kia, vì sao có được nung gốc tu trị ư? Nên ở đây giải thích. Trước nói: “Chẳng nung hơi thở, hình sắc, đất nước, gió lửa v.v...” Đây là chọn bỏ các việc quán tưởng. Lại nói: “Là chánh niệm, nên biết duy tâm không ngoài cảnh giới” tức là tâm này cũng không có tự tướng để được”. Lại nói: “Tập lâu thuần thực tâm



kia được trụ. Do tâm trụ, dẫn dẫn nhạy bén, thuận theo được nhập Tam-muội chân như...” Nên biết thâm nhập định này tức là nương gốc tu trị, lại không có pháp khác để làm gốc tu.

Hỏi: Y cứ ở trước nói chỉ là cảnh ma, đến nay vẫn tổng kết chỗ lìa kia. Vì sao nói lìa nghiệp chướng?

Đáp: Đây có hai nghĩa:

Người tu hành bên trong có nghiệp chướng nên bên ngoài chiêu cảm cảnh ma. Nếu lìa nghiệp chướng thì không có việc ma. Nay nói theo gốc thì nên nói nghiệp chướng.

Nếu rơi vào lưới ma thì thành nghiệp chướng. Do ma ưa sinh tử khởi ái kiến, tham đắm danh lợi cung kính thế gian. Do đó tạo nghiệp nên thành nghiệp chướng. Nay lìa việc ma tức là lìa nghiệp chướng.

Trong bốn tà:

**Sớ:** Ngã kiến, v.v..., mê ba hoặc này gọi là si, tức ngã si, v.v... là bốn câu hoặc câu sinh trong mặt-na, do là câu sinh, nên nói thường tương ứng đều thuộc về vô minh trụ địa nên gọi là Sử.

Chẳng giảm phiền não v.v..., tu định vốn để dứt trừ phiền não, đã không dứt trừ đâu dùng định làm gì?. Như uống thuốc mà bệnh càng nặng thì biết chẳng đúng thuốc.

Y cứ, là nghĩa cậy nhờ, y cứ. Không thể nhờ cậy mà thực hành.

Trong chánh:

**Sớ:** Chẳng đắm vị: chẳng đồng với ngoại đạo có kiến ái, ở đây chỉ bày chung hai câu sau.

Quên tâm cảnh, là dứt năng sở, là không có tướng mê đắm vị.

Xuất định v.v..., vốn chẳng do biếng nhác mà nhập định, do đó khi xuất định cũng được như thế, chẳng đồng ngoại đạo có ngã mạn.

Tham, sân v.v..., ý vốn dứt hoặc, nên được dần mỏng, chẳng đồng ngoại đạo tham danh lợi v.v... Như uống thuốc trừ bệnh, đó là thuốc hay, đã biết thuốc hay không đáng thì không uống.

Trong chân:

Nói nếu các, v.v..., ý vẫn nói ngược lại: Sớ là thuận giải thích.

Phải nương, v.v..., do chân như là tánh Như Lai, nên tu Tam-muội này, mới là hạt giống Như Lai. Như người sinh trong nhà của vua, sẽ nối nghiệp vua. Ở đây cũng như thế.

Trừ đây v.v..., Kinh Lăng-nghiêm nói: “Một cửa của mười phương Như Lai đi đến con đường diệu trang nghiêm? Lại nói: “Bạc-già-phạm mười phương từ một con đường đến Niết-bàn”.

Thập trụ trở đi, nghĩa là ban đầu trong sáu thứ chủng tánh, tức tập

chúng tánh.

Địa vị bất thoái, bất thoái có bốn: 1- Tín, 2- Vị, 3- Chứng, 4- Hạnh.  
Nay tức là vị.

Trong luống đối:

**Sớ:** Tứ thiền, tức cõi sắc vừa tĩnh vừa lự, nên gọi là Thiền. Bốn không tức cõi Vô Sắc có tĩnh có lự, nên chỉ nói định. Bất tịnh tức quán năm thứ thân: nghĩa là hạt giống trụ chỗ tự thể tự tướng rốt ráo bất tịnh. Rộng như ở sau nói.

An-bát, tiếng Phạm là An-na-bát-na, Hán dịch là hơi thở ra, hơi thở vào. Hai loại trên là hai thứ trong năm pháp quán dừng tâm.

Đẳng: lại đồng ba thứ sau và bốn vô lượng, sáu diệu môn, mười lục Đặc thắng thông minh thiền, v.v... tất cả việc định.

Chấp cảnh tướng, do định phi lý, chỉ duyên các tướng hơi thở kia, chẳng xứng với chân như, chẳng ra khỏi ba cõi, gọi là định thế gian.

Nhưng, Tông Thiên Thai nói các thiền định chung, có ba:

1- Thiền thế gian. 2- Thiền xuất thế gian. 3- Thiền xuất thế gian thượng thượng.

- Thiền thế gian. Có hai thứ:

Thiền vị thế gian: Tức Bốn thiền, bốn vô lượng, bốn không định.

Thiền tịnh thế gian: Tức sáu diệu môn, mười sáu đặc thắng thông minh thiền.

- Thiền xuất thế gian. Có bốn:

Thiền quán: :à chín tướng, tám bối xả, tám thắng xứ, mười Nhất thiết xứ.

Thiền luyện: Là chín định thứ đệ.

Thiền huân: Là Tam-muội sư tử phấn tấn.

Thiền tu: Tức Tam-muội siêu vượt.

Thiền xuất thế gian thượng thượng. Có chín:

a- Tự tánh thiền. b- Nhất thiết thiền. c- Nam thiền. d- Nhất thiết môn thiền. e- Thiện nhân thiền. f- Nhất thiết hành thiền. g- Trừ não thiền. h- Thử thế tha thế thiền j- Thanh tịnh tịnh thiền.

Hành tướng rộng như thứ lớp thiền môn. Lược như thứ lớp pháp giới. Người học phải biết nên xét văn kia.

Nói Đắm vị, v.v..., chẳng đồng Tam-muội chân như, chẳng trụ kiến tướng và đặc tướng.

**Sớ:** Đều được, v.v..., Người ba thừa và phàm phu ngoại đạo đều tu định này. Song phàm phu phần nhiều đắm vị, ngoại đạo thì chấp dị kế. Chỗ tu tuy đồng mà tâm tu có khác, đặc quả đều sai biệt.

Nếu lìa, v.v..., nên trước nói trong phần duyên về thiện tri thức, cần giáo thọ thiện tri thức, nên biết tà chánh, do xê xích mảy may mà cách xa ngàn dặm. Phàm đối với bạn lành há cô phụ ân ư! Nên trong kinh Pháp Cú lớp lớp hiển bày khen ngợi. Tuy nhiên người tu hành thiện định chẳng dễ, muốn am tường đầy đủ môn kia, phải khắp xem xét các giáo. Do Tông Thiên Thai có ba thứ chỉ quán, nói các thiện hành tướng tu chứng, rộng ở văn kia. Nay lược nương vào người mới học thiện quán mà nói rõ phát tướng tà chánh.

Phát tướng tà định, hoặc thân tuy lay động, hoặc khi thân nặng như có vật đè, hoặc thân nhẹ muốn bay, hoặc nặng nề ngủ mê, hoặc ngâm lạnh, phơi nóng, thấy các cảnh khác lạ, hoặc tâm kia che mờ, hoặc khởi các ác giác, hoặc niệm bên ngoài có thiện phân tán, hoặc vui mừng hỗn hởi, hoặc lo sầu buồn bã, hoặc biết ác xúc chạm thân, khắp mình nổi ốc, hoặc rất vui say mê. Các thứ tà pháp như thế và thiện đều phát xuất, gọi là tà ngụy. Tà định này nếu người mê đắm, tức tương ứng với chín mươi lăm pháp của quỷ thần, phần nhiều ưa thất tâm điên loạn. Hoặc các quỷ thần, v.v... biết có người mê đắm pháp kia, liền gia thêm thế lực khiến phát tà định sâu. Trí tuệ biện tài thần thông cảm động người đời, người thấy cho là được đạo quả, đều tin phục mà trong tâm điên đảo, chuyên hành pháp quỷ, người này qua đời, nếu không gặp Phật và thiện tri thức che chở thì lại rơi vào đường quỷ thần. Nếu sinh trở lại thì thường làm việc ác, liền rơi vào địa ngục. Hành giả khi tu chỉ quán, nếu chứng các thiện như thế, có các tướng tà ngụy này, thì liền bỏ. Nếu biết lường dối không đắm không mê, thì phải diệt ngay. Nếu khởi niệm mê đắm, thì rơi các quần tà. “Phát tướng thiện chân chánh”. Nếu trong lúc ngồi phát ra các thiện, không có như ở trên nói về các pháp tà v.v... Theo lúc phát thiện chân chánh, thì biết tương ứng với định, nội tâm rộng không thanh tịnh vui mừng, lặng lẽ vui sướng không bị che mờ, tâm lành khai phát, kính tín thêm lớn, trí soi xét rõ ràng, thân tâm mềm mại, rộng lặng mầu nhiệm, chán hoại thế gian, vô vi vô dục, ra vào tự tại, đó là phát tướng thiện chân chánh. Hai thứ tướng này như người làm việc chung với người ác, thường xúc não nhau. Nếu làm việc chung với người lành thì càng lâu càng thấy cái đẹp kia. Ở đây cũng như thế. Hành giả nên quán sát sâu, phải cần có bạn lành giáo thọ.

Nêu chung: Số: Đời sau, v.v..., vọng dứt, tập trừ, chứng chân, khởi giáo hóa, đức khắp pháp giới ứng dụng vô cùng.

Trong nhiếp hộ:

**Số:** Do tu v.v..., hơi giống với kinh Kim Cương nói, người trì kinh,

vì tri kiến hộ niệm Như Lai. Như đời vua con tu đức tiến nghiệp kham nổi nắm địa vị quốc vương, cũng vì chỗ báo của vua cha. Là chỗ niệm Phật, lý hợp như thế. Nên nói là pháp ứng.

Trong duyên ác:

**Sớ:** Là thiên ma ngoại đạo v.v..., như chỗ đối trị ở trên. Do biết thật tướng các pháp, chẳng sợ mê hoặc.

Chín mươi lăm thứ ngoại đạo, như kinh Hoa Nghiêm nói, có chín mươi sáu ngoại đạo. Nghĩa là sáu vị giáo chủ ngoại đạo mỗi vị có mười sáu học pháp. Một pháp tự học, ngoài ra học chín mươi lăm thứ. Mỗi giáo mười lăm đệ tử. Thầy trò hợp luận nên thành số này. Nay bớt một, như các chỗ nói.

Trong hoặc nghiệp:

Nói sâu xa: tức trí tuệ mầu nhiệm, Bát-nhã đạt sâu thật tướng. Nay đã nhập sâu định này nên không phỉ báng. “Tội nặng mỏng dần” đã đạt tánh tội tánh phước, chẳng trong, ngoài, khoảng giữa, tâm ngã tự không, tội phước không chủ, Tam-muội dần sâu, tội kia dần bớt, nên nói là “mỏng”. “Nghĩ” nghĩa là đối với lý còn do dự.

Giác quán: nghĩa là từ ngữ gia hạnh, nay đạt các pháp duy tâm không ngoài cảnh giới, bên trong là tâm tư, đối với lý quyết định, đâu có chỗ nghi ư, nên đều dứt trừ.

Trong hạnh thành:

**Sớ:** Đối với lý tăng thêm lòng tin, Tín muốn thành căn ắt việc làm thêm lớn, dần dần nhập chẳng lui sụt, nên không nhiếp được. Biết pháp như huyễn, nên không có chỗ yếu hèn, rắn dây chẳng độc, ác quỷ không tâm, đâu có chỗ yếu hèn ư! Nên văn sau nói: “Nếu tu chỉ, hay xả bỏ cái thấy yếu hèn của người Nhị thừa. Đã không yếu hèn thì chẳng đồng Nhị thừa”.

Chẳng hoại, biết người khác như mình nên được nhu hòa, nhu hòa nên chẳng kiêu mạn, chẳng kiêu mạn nên người tức chẳng phiền não, chẳng phiền não nên chẳng hoại, là hành chẳng hoại.

Không thêm vị thế gian, người đời không học pháp này, tức ái kiến sâu chắc tham đắm thế gian. Nay đã biết ba cõi ngụy, sáu căn đối người, đâu thể tham mà vui ư! Chẳng vui tức là ái, là ái thì bớt phiền não. Văn sau nói: “Nếu tu chỉ là đối trị phàm phu mê đắm thế gian”.

Được thiền định: thành Tam-muội Chân như. Luận: Duyên bên ngoài tức nêu chung sáu trần. Âm thanh tức chỉ bày riêng chỗ đối với tai. Kinh Lăng-nghiêm chép: “Thuần âm thanh không trần, căn cảnh viên dung không có năng đối, sở đối” Lại nói: “Chẳng tự quán âm,

dùng quán để quán, khiến cho chúng sinh quán âm thanh kia, liền được giải thoát” Đây là đồng các pháp không hành, trải qua pháp môn nhập trí tuệ âm thanh, đâu có chỗ động!. Nay đối với sáu trần, chỉ nêu thanh trần. A-hàm nói như thế để làm trái với Thiền, nhưng văn sơ trên đều đối với phần 1-2... ở sau.

Chú, lấy đây giải thích ngay nơi văn của khoa giúp cho dễ hiểu, chẳng cho rằng rất gần với trước.

